TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-ST
Ngày 09 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1983 là người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà A (văn bản ủy quyền ngày 21/02/2019); cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Hồng T2, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Thanh T1 trình bày: Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị A có tham gia 01 chưng trong dây hụi 300.000 đồng do chị Lê Hồng T2 và anh Lâm Thanh D làm chủ hụi, khui vào tháng 8/2016 âl, 01 tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 45 chưng. Ông T và bà A tham gia hụi đến khi mãn với số tiền 13.200.000 đồng (đã trừ tiền cò 300.000 đồng). Đến ngày 26/12/2018, anh D và chị T2 tuyên bố đình hụi nhưng không giao hụi chết cho ông bà. Nay anh yêu cầu anh D, chị T2 trả cho ông T, bà A số tiền hụi 13.200.000 đồng. Anh yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ vì việc chị T2 làm đầu thảo thì anh D có biết và mục đích tạo thu nhập chung trong gia đình.

Chị Lê Hồng T2 trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T1 về thời gian mở hụi, loại hụi, số chưng hụi ông T, bà A tham gia như trên. Việc chị tuyên bố đình hụi là do bị các hụi viên hốt hụi nhưng không đóng hụi chết nên không có khả năng lấp hụi. Nay chị đồng ý trả cho ông T, bà A số tiền 13.200.000 đồng. Việc chị mở hụi thì anh D không biết.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác. Chị T2 yêu cầu được trả tiền vốn hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu anh Lâm Thanh D và chị Lê Hồng T2 trả tiền hụi là vụ kiện tranh chấp hụi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hụi và còn nợ tiền hụi với số tiền 13.200.000 đồng là thực tế có xãy ra, việc này được ông T, bà A và chị T2 thừa nhận. Nay ông T, bà A yêu cầu anh D và chị T2 trả 13.200.000 đồng, chị T2 đồng ý, nhưng chị T2 chỉ đồng ý một mình chị trả, chị không đồng ý việc anh D cùng trả.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T2 xác định việc chị mở hụi và nợ hụi thì anh D không biết, không đồng ý, không trực tiếp gom hụi nên khoản nợ hụi này là nợ riêng của chị, không phải nợ chung của chị và anh D. Xét thấy: Việc chị T2 làm chủ hụi trong khoảng thời gian dài, chị T2 và anh D đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, chị T2 và anh D đang sống chung một nhà. Ngoài ra, việc chị T2 làm chủ hụi cũng vì mục đích được nhận khoản tiền hoa hồng để phục vụ các sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định khoản nợ tiền hụi nêu trên là khoản nợ chung của chị T2 và anh D được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó chị T2 và anh D phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ hụi nêu trên cho ông T và bà A là phù hợp.

[5] Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Mặc dù giữa ông T, bà A và chị T2 đã thỏa thuận được số tiền phải trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T2 yêu cầu được trả tiền vốn hụi, chị xin không trả lãi hụi, việc này nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy: Chưng hụi này đã mãn, cho nên nguyên đơn yêu cầu chị T2, anh D phải trả số tiền 13.200.000 đồng là có căn cứ. Do đó, yêu cầu xin trả vốn hụi, không trả lãi hụi của chị T2 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T2 và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: 13.200.000 đồng x 5% = 660.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị A.

1. Buộc chị Lê Hồng T2 và anh Lâm Thanh D phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị A số tiền là 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Hồng T2 và anh Lâm Thanh D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T2, anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Hồng T2 và anh Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thịnh